TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ H** _____ Số: 105 /2018/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____ Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 120/ 2018/TLST/HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 giữa:

Người yêu cầu:

- Chị Hoàng Lan P, sinh năm 1986.

- Anh Nguyễn Vũ C, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ cư trú: Số 60, ngách 371/2 K, phường N, quận B, thành phố H.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; 58; 59; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngµy 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 3 năm 2018 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 120 /2018 /TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Anh Nguyễn Vũ C và chị Hoàng Lan P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND Thị Trấn C, huyện H, tỉnh Nam Đ ngày 21 tháng 09 năm 2010.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Nguyễn Vũ C và chị Hoàng Lan P

II. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Anh Nguyễn Vũ C và chị Hoàng Lan P có 01 con chung là Nguyễn Bảo H, sinh ngày 14/4/2014.

Giao con chung Nguyễn Bảo H cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh C đóng góp tiền nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng (ba triệu đồng/tháng), kể từ tháng 4 năm 2018 cho đến khi con chung thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

Anh C có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung và nhà ở chung:** Anh C và chị P tự giải quyết, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- **Về công nợ**: Anh C và chị P không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- **Về lệ phí:** Anh C tự nguyện chịu cả 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, được trừ tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 000 8213 ngày 22/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận B.

III. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND quận B;
- Chi cục THA DS quận B;
- TAND TP. H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

Thẩm phán

(Đã ký)

Đồng Thị Lai